GT.0000026613

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

GIÁO TRÌNH

ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

PHẦN MỘT

I NGUYÊN
HỌC LIỆU
597

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG

GIÁO TRÌNH

ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM

(PHẦN 1)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Chương 1. **Khái quát**	7
1.1. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ	7
1.1.1. Vị trí địa lý	7
1.1.2. Biên giới quốc gia	7
1.1.3. Vị trí địa lý tác động tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên	11
1.1.4. Vị trí địa lý đối với sự hình thành quốc gia - dân tộc	12
1.1.5. Vị trí địa lý ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội	12
1.2. Đặc điểm tự nhiên Việt Nam	15
1.2.1. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển	15
1.2.2. Đất nước nhiều đồi núi	17
1.2.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa	18
1.2.4. Thiên nhiên phân hoá đa dạng	21
1.3. Đặc điểm khái quát về nền kinh tế - xã hội Việt Nam	22
1.3.1. Việt Nam là nước đang phát triển, nền kinh tế đạt được nhiều thành tựu nổi bật	23
1.3.2. Dân cư và nguồn nhân lực phân bố không đều	25
1.3.3. Kinh tế các vùng đều có sự tăng trưởng nhưng với tốc độ khác nhau	27
1.3.4. Nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước những cơ hội và thách thức mới đầu thế kỷ XXI	27
Câu hỏi và bài tập	31
Chương 2. **Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam**	32
2.1. Tài nguyên thiên nhiên	32
2.1.1. Đánh giá chung	32
2.1.2. Tiềm năng và tình hình sử dụng một số loại tài nguyên thiên nhiên chủ yếu	33
2.2. Vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững	50
Câu hỏi và bài tập	55
Chương 3. **Địa lý dân cư**	56
3.1. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	56
3.1.1. Quá trình hình thành và phát triển cộng đồng các dân tộc Việt Nam	56
3.1.2. Thành phần các dân tộc Việt Nam	58

3.1.3. Sự phân bố các dân tộc 60
3.1.4. Các vùng văn hoá 62
3.2. Dân số 73
3.2.1. Dân số và sự biến động dân số 73
3.2.2. Thời kỳ cơ cấu dân số vàng ở Việt Nam 80
3.3. Phân bố dân cư 81
3.3.1. Đặc điểm nổi bật là dân số phân bố rất không đều 81
3.3.2. Thay đổi trong phân bố dân cư 82
3.4. Lao động và việc làm 84
3.5. Chất lượng cuộc sống 87
3.6. Các luồng di dân 90
3.7. Quần cư 94
3.7.1. Quần cư nông thôn 95
3.7.2. Quần cư đô thị 98
Câu hỏi và bài tập 103
***Chương 4*. Tổ chức lãnh thổ và các vùng kinh tế** 105
4.1. Nông nghiệp 105
4.1.1. Khái quát về tình hình sản xuất và phân bố sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 105
4.1.2. Hiện trạng phân bố một số ngành sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản chủ yếu 107
4.1.3. Các vùng kinh tế nông nghiệp sinh thái 124
4.1.4. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn 126
4.2. Công nghiệp 127
4.2.1. Đặc điểm phát triển công nghiệp Việt Nam trong thời kỳ đổi mới 127
4.2.2. Cơ cấu ngành và sự chuyển biến cơ cấu ngành công nghiệp 127
4.2.3. Cơ cấu lãnh thổ và sự chuyển biến cơ cấu lãnh thổ công nghiệp 145
4.2.4. Một số giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở nước ta 147
4.3. Dịch vụ 150
4.3.1. Đặc điểm phát triển dịch vụ ở nước ta thời kỳ hội nhập 150
4.3.2. Phát triển và phân bố các ngành dịch vụ 154
Câu hỏi và bài tập 174
Tài liệu tham khảo 176
Thuật ngữ Địa lý kinh tế - xã hội 177

LỜI NÓI ĐẦU

Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam là môn học quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý tại Khoa Địa lý của các Trường ĐHSP. Với mục đích trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Địa lý tổ quốc, môn học này được biên soạn theo các nội dung chính : Vị trí địa lý, lãnh thổ; Đặc điểm tổng quát nền kinh tế Việt Nam; Tài nguyên thiên nhiên Việt Nam và vấn đề sử dụng tài nguyên theo hướng phát triển bền vững; Các vấn đề địa lý dân cư, xã hội (dân số, lao động, và việc làm; dân tộc các vấn đề dân tộc và vùng văn hoá; sự phân bố dân cư, chất lượng cuộc sống); Cơ cấu nền kinh tế, đặc điểm phát triển và tổ chức lãnh thổ các ngành và các lĩnh vực kinh tế của Việt Nam : nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ (nguồn lực phát triển, thực trạng và định hướng phát triển, cơ cấu lãnh thổ ngành và lĩnh vực kinh tế).

Việc xuất bản giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam (Phần một) dành cho sinh viên chuyên ngành Địa lý vừa đáp ứng được mục tiêu, chương trình đào tạo, vừa thực hiện đúng chủ trương đổi mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về nội dung cũng như phương pháp gắn liền với thực tiễn của đất nước trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Các vấn đề Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam trong giáo trình này được trình bày một cách có hệ thống, phù hợp năng nhận thức của sinh viên, cơ sở vật chất dạy và học. Cuối mỗi chương có câu hỏi và bài tập giúp sinh viên củng cố kiến thức đã học, nâng cao khả năng tự học và phương pháp làm việc theo nhóm, rèn luyện năng lực phân tích và tổng các kiến thức đã học, vận dụng trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu các vấn đề địa lý liên quan tới chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn 2030.

Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của anh chị em sinh viên, các đồng nghiệp cũng như các bạn đọc quan tâm đến môn học này.

Thái Nguyên, tháng 8 năm 2011

TÁC GIẢ

Chương 1. KHÁI QUÁT

1.1. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

1.1.1. Vị trí địa lý

Lãnh thổ nước ta trên đất liền có hình thể hẹp và kéo dài, với tổng diện tích là 331.051 km^2 (Niên giám thống kê 2009). Trong số 11 nước khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng sau Inđônêxia, Mianma, Thái Lan về diện tích trên đất liền. So với các nước trên thế giới, diện tích Việt Nam vào loại trung bình, đứng thứ 56 trong tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Với quan điểm về chủ quyền quốc gia, tính cả trên đất liền và trên vùng biển tiếp cận, nước ta có diện tích không nhỏ. Phần đất liền gắn với lục địa châu Á, phần thềm lục địa rộng lớn hơn, thông ra các đại dương và gắn với Tây Nam Thái Bình Dương. Diện tích biển của nước ta với vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở, khoảng 1 triệu km^2.

Phần đất liền của Việt Nam nằm trong khung toạ độ địa lý:

- Điểm cực Bắc: $23^o23'$B (xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang);

- Điểm cực Nam: $8^o34'$B (xóm Mũi, xã Rạch Tàu, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau);

- Điểm cực Đông: $109^o24'$ Đ (bán đảo Hòn Gốm, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà);

- Điểm cực Tây: $102^o10'$ Đ (xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên).

Vùng biển của Việt Nam có hơn 4.000 đảo, quần đảo lớn nhỏ bao bọc, trong đó nhiều đảo và quần đảo có tầm quan trọng chiến lược về kinh tế và quốc phòng như Cát Bà, Vân Đồn, Bạch Long Vĩ, Phú Quý, Côn Đảo, Phú Quốc, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

1.1.2. Biên giới quốc gia

Lãnh thổ nước ta trên đất liền tiếp giáp với các nước: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc), Cộng hoà DCND Lào và Vương quốc Campuchia. Phía bắc tiếp giáp Trung Quốc với chiều dài đường biên giới trên 1.400 km, phần lớn dựa theo núi sông tự nhiên với những hẻm núi hiểm trở. Phía tây là biên giới chung với Lào có chiều dài 2.069 km, phần lớn dọc theo các đỉnh cao của các dãy núi biên giới. Phía tây nam là biên giới Việt Nam - Campuchia với chiều dài 1.137 km,

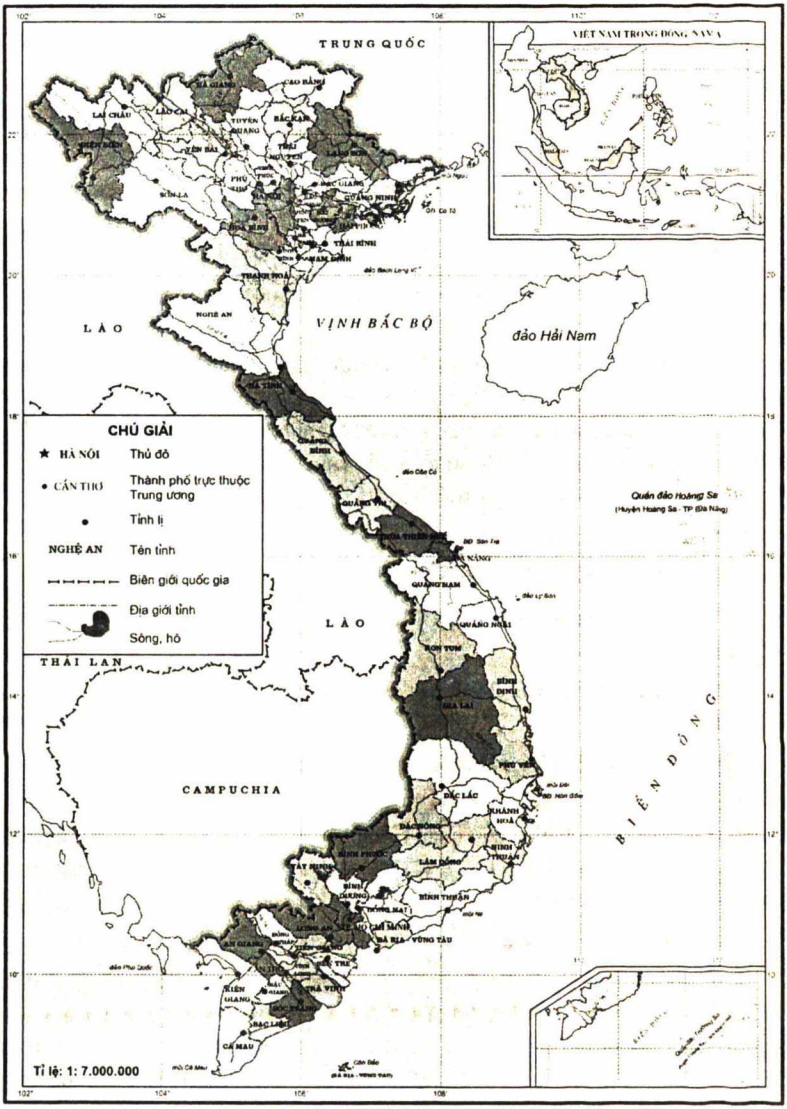

Hình 1.1. Bản đồ hành chính Việt Nam

phần lớn xuyên qua các vùng đồi thoải, từ các sơn nguyên tây nam Việt Nam đổ